TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-PT
Ngày: 04-01-2018
V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thiện

Ông Đinh Văn Long

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Minh Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp về quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/QĐPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1960; cư trú tại: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1961; cư trú tại: Thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đào Duy K, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Đ, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Tộc Lê;

Người đại diện: Ông Lê Văn A, sinh năm 1971; cư trú tại: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn A: Ông Đào Duy K, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Đ, thuộc

Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam. (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1927; cư trú tại: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1961; cư trú tại: Thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. (Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2015). (Có mặt)

3. Ông Lê Văn T, sinh năm 1967; cư trú tại: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. (Có mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn Đ và người đại diện tộc Lê là ông Lê Văn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Bà có 02 thửa đất số 408 và 420, tờ bản đồ số 27, tại thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Thửa đất số 408 và 420 nằm liền kề nhau, có nguồn gốc do cha bà là ông Lê Tấn S khai hoang, kê khai đăng ký và để lại cho bà sử dụng, canh tác và trồng hoa màu. Thửa đất số 420, tờ bản đồ số 27 bà đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.312m^2 vào ngày 28/12/2000; đối với thửa đất số 408, tờ bản đồ số 27 bà chưa đăng ký kê khai quyền sử dụng đất.

Vào năm 2012 ông Đ đã lấn chiếm toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 408 và một phần thửa đất số 420 của bà để ươm trồng keo. Bà có làm đơn gởi đến Ủy ban nhân dân xã T yêu cầu giải quyết nhưng UBND xã T không giải quyết. Đến năm 2013 thì các cây keo ươm đã mọc lớn và đến năm 2015 ông Đ tiếp tục trồng keo trên đất của bà. Mặt dù, bà có khiếu nại nhiều lần đến Ủy ban nhân dân xã nhưng ông Đ vẫn tiếp tục lấn chiếm và làm hàng rào xung quanh thửa đất số 408 của bà. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà làm đơn xin rút một phần khởi kiện về việc tranh chấp diện tích đất 1.323,9m^2 tại thửa đất số 408, tờ bản đồ số 27 đối với ông Đ. Bà đề nghị Tòa án buộc ông Đ tháo dỡ tài sản (chặt toàn bộ cây trồng) để trả lại diện tích đất lấn chiếm 430,4m^2 tại thửa đất số 420 cho bà. Đối với diện tích 252,8m^2 bà đã trồng keo nhưng ông Đ, ông A trồng hàng rào lấn chiếm nên bà yêu cầu ông Đ, ông A tháo dỡ hàng rào để trả lại diện tích đất cho bà.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn Đ trình bày:

Nguyên ông Lê Văn L là ông cố của ông có thửa đất thổ cư lâu đời tại đội 1 thôn M, xã T, diện tích trên 5500m^2. Ông cố L qua đời để lại cho ông nội ông và sau đó là cha ông và đến nay mẹ ông là bà Nguyễn Thị H sử dụng. Đến năm 1965, do Mỹ lấy đất đắp đồn nên thửa đất bị chia làm hai phần, phần không lấy đất thì mẹ ông tiếp tục sử dụng; phần trũng gia đình ông chuyển sang trồng hoa màu và cây, gia đình ông sử dụng liên tục thửa đất trên đến nay. Việc rào hàng rào kẽm gai nguyên nhân là do

ngày 07/12/2015 bà N làm móng nhà xây lấn sang đất nhà thờ tộc Lê thuộc thửa đất số 809, tờ bản đồ số 27, bà N đã xúc đất lấn của nhà thờ để san nền cho gia đình bà. Tộc Lê can ngăn nhưng bà N vẫn làm nên tộc Lê có làm đơn đề nghị UBND xã T giải quyết. Phần đất này tộc Lê đã trồng trụ bê tông nhưng do bà N xúc đất làm nhà nên tộc Lê mới dựng hàng rào kẽm gai. Do đó, ông không đồng ý với việc bà N tranh chấp diện tích đất 430,4m^2 có keo lá tràm do ông trồng; đối với diện tích đất 252,8m^2 là của tộc Lê, bà N có trồng cây thì bà N phải chặt cây trả lại đất cho tộc Lê.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tộc Lê do ông Lê Văn A đại diện trình bày:

Diện tích đất 252,8m^2 bà N tự ý trồng keo lá tràm là đất của tộc Lê. Do bà N xúc đất trong phần diện tích đất của tộc Lê để đôn đất nền nhà của bà nên tộc Lê đã kéo dây thép gai trên cơ sở trụ bê tông đã trồng từ lâu để làm ranh giới. Nay bà N tranh chấp diện tích đất này tộc Lê không đồng ý. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N bồi thường giá trị đất đôn mà bà N đã lấy của tộc Lê là 9,5m^3, trị giá là 1.235.000 đồng và giá trị tường rào mà bà N đã làm thiệt hại là 221.020 đồng.

Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào Điều 203 của Luật đất đai, Điều 584 của Bộ luật dân sự, Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N về việc: *"Tranh chấp về quyền sử dụng đất"* đối với bị đơn ông Lê Văn Đ và Tộc Lê – đại diện: Ông Lê Văn A.

Buộc ông Lê Văn Đ phải tháo dỡ tài sản gồm 96 cây keo có đường kính từ 15-30cm; 104 cây keo có đường kính >30cm trả cho bà Lê Thị N diện tích đất 430,4m^2, thửa 809, tờ bản đồ số 27, vị trí: Bắc giáp đất ông Lê Văn Đ đang sử dụng, Nam giáp đất ông Lê Văn Đ đang sử dụng; Đông giáp diện tích đất 252,8m^2 bà N và tộc Lê tranh chấp, Tây giáp đất tranh chấp thửa 408. (*có sơ đồ bản vẽ kèm theo*)

Buộc tộc Lê do ông A làm đại diện có nghĩa vụ tháo dỡ tường rào trả lại đất 252,8m^2, thửa 809, tờ bản đồ số 27 cho bà N. Vị trí đất: Bắc giáp đất có nhà của bà Lê Thị N; Nam giáp đất bà Lê Thị N đang sử dụng; Đông giáp đất có nhà thờ, Tây giáp đất diện tích đá 430,4m^2 bà N tranh chấp với ông Đ. (*có sơ đồ bản vẽ kèm theo*)

Bác yêu cầu độc lập của đại diện tộc Lê ông A về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm đối với bà N.

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà N về việc tranh chấp thửa 408 tờ bản đồ số 27 diện tích 1323,9m^2 với ông Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/10/2017, bị đơn và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tộc Lê kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị N không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo ông Lê Văn Đ và ông Lê Văn A không rút đơn kháng cáo mà cho

rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không khách quan, trái với quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ và tộc Lê. Do đó, ông Đ và ông A giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn Đ và ông Lê Văn A trình bày: Diện tích đất bà N tranh chấp với ông Đ là 430,4m^2, tranh chấp với ông Đ và ông A là 252,8m^2 . Trong đó diện tích đất 430,4m^2 ông Đ đã sử dụng ổn định từ trước đến nay, còn diện tích đất 252,8m^2 đến năm 2012 bà N mới bắt đầu sử dụng. Bà N cho rằng cha bà là Lê Tấn S có cho nhà thờ tộc Lê diện tích đất vào năm 1994 nhưng nhà thờ tộc Lê được hình thành từ năm 1768 và trùng tu năm 1993 và theo hồ sơ 299/TTg thì diện tích đất của nhà thờ được đo bao trong thửa 139 gồm nhiều chủ sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ thửa đất số 420 gia đình bà N kê khai theo hồ sơ 299/TTg có trùng với diện tích đất mà hiện nay bà N đang tranh chấp hay không mà đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, bác yêu cầu độc lập của tộc Lê do ông A làm đại diện là không đúng. Theo hồ sơ 64/CP thì tộc Lê kê khai đăng ký diện tích 1996m^2 tại thửa đất số 809, tờ bản đồ số 27. Vào năm 2015 khi chỉnh lý thì diện tích đất của tộc Lê còn khoảng 779m^2, diện tích đất của bà N chỉ còn 935m^2 Nếu cho rằng các diện tích đất tranh chấp là của bà N thì tổng diện tích đất của bà N lớn hơn cả diện mà bà N kê khai, đăng ký. Trong khi đó cơ quan chuyên môn lại cho rằng việc chênh lệch diện tích đất của bà N là do đo đạc chứ không phải do bị lấn chiếm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam cho rằng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết xét xử lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bà Lê Thị N khởi kiện ông Lê Văn Đ lấn chiếm hai thửa đất có nguồn gốc của cha bà là ông Lê Tấn S, cụ thể: Thửa đất số 408, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.323,9m^2 và thửa đất số 420, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.312m^2. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà N rút yêu cầu khởi kiện đối với việc tranh chấp thửa đất số 408, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.323,9m^2.

Đối với thửa đất số 420, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.312m^2 bà N cho rằng ông Đ lấn chiếm diện tích 430,4m^2 của bà đang trồng keo và ông Đ, ông A rào lại diện tích 252,8m^2 bà đang sử dụng trồng keo. Bà N yêu cầu ông Đ phải thu dọn tài sản trả lại diện tích đất tranh chấp 430,4m^2 và yêu cầu ông Đ, ông A phải thu dọn tường rào trả lại diện tích 252,8m^2 cho bà. Tuy nhiên, ông Đ không đồng ý đối với yêu cầu của bà N vì cho rằng diện tích đất 430,4m^2 trên có nguồn gốc của ông bà ông, sau đó mẹ ông

quản lý, sử dụng và giao lại cho ông sử dụng còn diện tích 252,8m^2 là của tộc Lê. Ông A cho rằng diện tích đất trên là của tộc Lê nên không đồng ý đối với yêu cầu của bà N. Bà N tự ý trồng cây và lấy đất đắp đôn nền nhà của bà 9,5m^3 với giá trị 1.235.000 đồng và làm thiệt hại tường rào giá trị 221.020 đồng. Do đó, ông A có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu bà N phải bồi thường giá trị tài sản bị thiệt hại trên.

Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, đình chỉ giải quyết việc tranh chấp thửa 408 tờ bản đồ số 27 với ông Đ và bác yêu cầu độc lập của đại diện tộc Lê; ông Đ và người đại diện của tộc Lê không đồng ý nên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của ông Lê Văn Đ và ông Lê Văn A thì thấy:

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N yêu cầu ông Đ, ông A tháo dỡ hàng rào để trả lại diện tích 252,8m^2 cho bà N nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N đối với tộc Lê do ông A làm đại diện là không đúng. Bởi lẽ, bà N chỉ khởi kiện đối với ông A mà không khởi kiện đối với tộc Lê. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ và ông A khai tộc Lê có 05 phái. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ 05 phái này ai là trưởng phái, 05 trưởng phái này có ủy quyền hợp lệ để ông A đại diện tham gia tố tụng hay không mà chỉ dựa vào biên bản họp hội đồng gia tộc (BL 74) không có chứng thực chữ ký của cơ quan có thẩm quyền và biên bản họp hội đồng gia tộc này cũng không đủ thành phần của các phái và Tòa án cấp sơ thẩm cũng không làm rõ vai trò của ông A trong tộc Lê là gì mà đưa ông A vào tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện của tộc Lê là không đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N rút yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất số 408, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.323,9m^2 và việc rút yêu cầu khởi kiện này của bà N là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà N về việc tranh chấp diện tích 1.323,9m^2 tại thửa đất số 408, tờ bản đồ số 27 với ông Đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về diện tích đất tranh chấp: Theo các lần xem xét, thẩm định tại chỗ thì diện tích đất bà N tranh chấp với ông Đ là 430,4m^2, diện tích đất bà N tranh chấp với ông Đ và ông A là 252,8m^2.

[5] Theo biên bản xác minh ngày 23/8/2017 tại UBND xã T (BL 137a) thì theo hồ sơ 299/TTg, vị trí thửa đất bà N đang sử dụng và đất có nhà thờ được đo bao nằm trong thửa 139, tờ bản đồ số 01 gồm nhiều chủ sử dụng, trong đó có tên Lê Thị Sơn (tức Lê Tấn S cha của bà N ghi nhầm thành Lê Thị S) kê khai đăng ký diện tích 1.500m^2, loại đất thổ cư và 500m^2 đất màu. Nhà thờ tộc Lê và ông Đ không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và theo hồ sơ 64/CP bà N kê khai đăng ký diện tích đất 1.312m^2 tại thửa 420 tờ bản đồ số 27, loại đất thổ cư. Mặt khác, theo công văn số 1256/UBND-TNMT ngày 01/11/2016 của UBND huyện N (BL 56) thì: Theo hồ sơ 64/CP diện tích đất tranh chấp 430,4m^2 và 252,8m^2 thuộc phạm vi thửa đất số 809, tờ bản đồ số 27 do tộc Lê đứng tên chủ sử dụng đất. Như vậy, theo hồ sơ 299/TTg diện

tích đất mà ông Lê Tấn S kê khai tại thửa đất số 139 đo bao gồm nhiều chủ sử dụng. Nhiều chủ sử dụng gồm những ai và diện tích đất của mỗi chủ sử dụng là bao nhiêu, loại đất gì, vị trí thửa đất mà hiện nay bà N đang sử dụng và vị trí diện tích đất tranh chấp có nằm đúng vị trí của thửa đất mà cha bà N là ông Lê Tấn S kê khai đăng ký theo hồ sơ 299/TTg hay không. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ khai diện tích đất mà bà N tranh chấp với ông có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị H mẹ ông kê khai 750m^2 theo hồ sơ 299/TTg. Điều này phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thửa 139, tờ bản đồ số 01 bà Nguyễn Thị H có kê khai diện tích 750m^2 (BL 137d). Mặt khác, tại hồ sơ bà N khai cha bà ông Lê Tấn S có tặng cho tộc Lê diện tích đất và tại phiên tòa phúc thẩm bà N thừa nhận trước đây cha bà có tặng cho tộc Lê diện tích đất 400m^2 để làm nhà thờ, có viết giấy tay tặng cho và ông Lê Văn B trong tộc Lê là người nhận đất. Diện tích còn lại bà sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ có việc ông Lê Tấn S tặng cho tộc Lê diện tích đất trên để làm nhà thờ hay không, diện tích, tứ cận của thửa đất mà ông Lê Tấn S tặng cho Tộc Lê như thế nào và cần phải xem xét việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của tộc Lê có phù hợp với quy định của pháp luật hay không vì thực tế các bên thừa nhận cũng như bản ảnh ông Đ cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm nhà thờ tộc Lê hình thành từ năm 1768 và trùng tu năm 1993. Vậy từ khi hình thành đến nay nhà thờ tộc Lê xây dựng nằm ở vị trí nào, có đúng vị trí đất mà ông Lê Tấn S kê khai theo hồ sơ 299/TTg và sau đó tặng cho tộc Lê không. Ngoài ra, cần phải xác minh làm rõ có việc ông Đ khai sau khi ông tiếp quản đất từ mẹ ông thì ông trồng cây keo trên diện tích đất tranh chấp từ năm 2002 đến năm 2007 ông thu hoạch đợt 1 và ông tiếp tục trồng cây đến năm 2016 bà N không có ý kiến gì để xem xét cho toàn diện vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ những vấn đề trên, trong khi cơ quan có thẩm quyền trả lời nguyên nhân thiếu diện tích đất của bà N (1312m^2 – 935,4m^2) = 376,6m^2 là do phương pháp đo đạc trước đây và hiện nay khác nhau. Việc xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 430,4m^2 và 252,8m^2 và bác yêu cầu độc lập của đại diện tộc Lê về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm đối với bà N là chưa đủ cơ sở vững chắc.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không thể khắc phục được những sai sót của bản án sơ thẩm nên chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn Đ và ông Lê Văn A, hủy một phần bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện N giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác được xử lý khi vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên ông Lê Văn Đ và ông Lê Văn A không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn Đ và ông Lê Văn A, hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc "Tranh chấp về quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn bà Lê Thị N với bị đơn ông Lê Văn Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tộc Lê đối với diện tích 430,4m^2 và 252,8m^2 và yêu cầu độc lập của đại diện tộc Lê về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm đối với bà Lê Thị N.

Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 79/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc tranh chấp diện tích đất 1.323,9m^2 tại thửa đất số 408, tờ bản đồ số 27, tại thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam với ông Lê Văn Đ.

Giao hồ sơ vụ án về cho Toà án nhân dân huyện N giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn Đ và ông Lê Văn A không phải chịu. Hoàn trả lại ông Lê Văn Đ và ông Lê Văn A mỗi người 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà ông Đ, ông A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001621, 0001620 ngày 19/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 04/01/2018).

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *TAND huyện N;*
- *CC THADS huyện N;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hòa